TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày: 30-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Võ Thanh Bình**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Trần Văn Sinh**
Bà: **Bùi Thị Thu**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Ma Văn Chung** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Văn Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS, ngày 08 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/HSST-QĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Dương Tiến K**, sinh ngày 04/4/1977; tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quý L và bà Triệu Thị K; bị cáo có vợ là Đặng Thị K và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

2. **Triệu Sinh M**, sinh ngày 05/9/1982; tại: Xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Bản R, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Nhu C và bà Hoàng Thị L; bị cáo có vợ là Dương Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

3. **Dương Tiến L**, sinh ngày 06/12/1985; tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quý V và bà Triệu Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

4. **Hoàng Kim T**, sinh ngày 28/11/1992; tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Gi và bà Chúc Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

5. **Hoàng Kim H**, sinh ngày 15/12/1990; tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Triệu Thị L; bị cáo có vợ là Triệu Thị Nh và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo Hoàng Kim H bị tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 13/4/2021 được tại ngoại, (Có mặt).

6. **Hoàng Văn V**, sinh ngày 28/8/1977; tại: Xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ (đã chết) và bà Nông Thị E; bị cáo có vợ là Triệu Thị Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Địa chỉ: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn N - Chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu N - Chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Quý L, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kan;

- Bà Triệu Thị K, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kan;

- Anh Dương Tiến H, sinh năm 1986 (Có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

- Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

- Anh Dương Tiến Q, sinh năm 1992 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Khuổi C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kan;

* Người làm chứng: Anh Hoàng Kim V, sinh năm 1989 (Có mặt)

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2020 Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N phối hợp với Trạm kiểm lâm Q tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng tại khu vực rừng S thuộc thôn K, xã Đ, huyện N phát hiện: Một số cây gỗ tự nhiên loại thông thường bị chặt hạ, có 401 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 10,673m^3 và 32 thanh, tấm gỗ xẻ tự nhiên loại thông thường nhóm VII, khối lượng 1,421m^3 (quy ra gỗ tròn là

2,272m^3). Ngoài ra còn phát hiện một tuyến đường lâm nghiệp mới mở đi qua diện tích đất rừng tự nhiên sản xuất có tổng chiều dài theo đo đạc ban đầu là 1.275m, rộng 03m (tổng diện tích là 3.825m^2).

Quá trình điều tra xác định được như sau: Thửa đất rừng số 298, lô 15, khoảnh 10, tiểu khu 241, có địa danh S, thuộc thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Dương Quý L và Triệu Thị K, là loại rừng tự nhiên sản xuất (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Đ năm 2018). Khu rừng này ông Dương Quý L giao cho con trai là Dương Tiến K quản lý. Năm 2017 ông Dương Quý L đã làm thủ tục tách thửa đất số 298 thành 03 thửa đất khác nhau gồm: Thửa số 312, tờ bản đồ số 3, diện tích 42.110,3 m^2 đứng tên ông L và bà K (Thửa đất này, sau khi tách thửa ông Lộc, bà Kiến đã tặng cho người khác); Thửa số 313, tờ bản đồ số 3, diện tích 137.004,6 m^2 đứng tên ông L và bà K và thửa số 314, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.393,5 m^2 đứng tên ông L và bà K (Sau khi tách thửa ông L, bà K vẫn tiếp tục giao cho bị cáo K quản lý các thửa rừng 313 và 314).

Trong năm 2020, Dương Tiến K có nhu cầu làm bếp nên K có mượn một chiếc cưa máy của Triệu Sinh M để đi khai thác 02 cây gỗ Giẻ ở khu rừng S. Sau khi khai thác được 02 cây gỗ Giẻ nói trên thì Dương Tiến K đã vận chuyển một số về làm bếp, còn một số vẫn để tại hiện trường. Sau đó, Dương Tiến K đồng ý cho Triệu Sinh M, Hoàng Văn V, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T đi lên khu vực rừng được bố mẹ giao quản lý để khai thác các cây gỗ tự nhiên. Mục đích khai thác gỗ để bán lấy tiền chia nhau, chỗ nào không bán được thì chia nhau làm củi. Được sự đồng ý của Dương Tiến K nên Triệu Sinh M, Hoàng Văn V, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Dương Tiến L cùng nhau đi lên khu rừng S của ông Dương Quý L giao cho Dương Tiến K trực tiếp quản lý để khai thác các cấy gỗ tự nhiên. Quá trình khai thác, 05 người trên dùng một chiếc cưa máy của Triệu Sinh M để cưa, cắt đổ các cây gỗ tự nhiên có đường kính to, nhỏ khác nhau, sau đó cắt thành các khúc có độ dài khoảng từ 0,90m đến 1m. 05 người trên đi khai thác gỗ thành nhiều lần khác nhau, thời gian đều trong năm 2020, lần cuối cùng đi khai thác là vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 thì bị Kiểm lâm phát hiện. Toàn bộ số gỗ mà 05 bị cáo khai thác được chưa vận chuyển ra khỏi hiện trường. Toàn bộ số gỗ này Hạt kiểm lâm N đã tạm giữ và đã bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N. Bản thân Dương Tiến K không trực tiếp đi khai thác cùng M, V, L, H, T nhưng khi 05 bị cáo này đang khai thác gỗ thì thỉnh thoảng Dương Tiến K cũng có lên xem, kiểm tra. Việc khai thác gỗ của Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Hoàng Văn V, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Dương Tiến L không xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 30/9/2020, 01/10/2020, 03/11/2020 xác định được diện tích rừng các bị cáo khai thác gỗ trái phép thuộc một phần thửa đất số 298, lô 15, khoảnh 10, tiểu khu 241 nay là một phần thửa đất số 313 tờ bản đồ số 3 (sau khi tách thửa, đứng tên ông L, bà K). Ngoài số gỗ cơ quan Kiểm Lâm thu giữ và bàn giao lại cho cơ quan điều tra, qua khám nghiệm hiện trường còn xác định tổng khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là: 78 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, (số gỗ này sau khi khám nghiệm chưa kịp vận chuyển về để bảo quản thì đã bị mất 24 khúc, còn lại 54 đã thu giữ, ban quản theo quy định); xác định vị trí, tọa độ của 103 gốc cây bị khai thác và 07

cây gỗ Giẻ bị cắt hạ, xẻ thành thanh. Quá trình khám nghiệm hiện trường còn phát hiện có một con đường đất mới mở đi qua thửa đất số 298 (nay là thửa 313), tờ bản đồ số 3, đứng tên ông L bà K do K quản lý và thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3, đứng tên anh Dương Tiến H và chị Đặng Thị T. Kết quả đo đạc con đường đất này có chiều dài là 1.275m, rộng 3,2m (tổng diện tích là 4.080m^2). Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được ai là người mở con đường đất này.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, xác định được tổng khối lượng gỗ do Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V khai thác trái phép trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến ngày 18 tháng 09 năm 2020 là 14,557m^3 gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII. (Trong đó 401 khúc gỗ tròn tự nhiên (do Hạt kiểm lâm huyện N thu giữ ban đầu) có khối lượng là 10,673m^3; 78 khúc gỗ tròn tự nhiên có khối lượng 1,241m^3, (78 khúc gỗ này sau khi khám nghiệm chưa kịp vận chuyển về để bảo quản thì đã bị mất 24 khúc, còn lại 54 đã thu giữ, bản quản theo quy định); các gốc cây tại hiện trường có khối lượng là 1,717m3 và 0,926m3 cây gỗ Chẹo).

Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 12/01/2021 của Hội đồng ĐGTSTTTHS huyện N kết luận 401 khúc gỗ tròn tự nhiên khối lượng 10,673 có giá trị 320.190,đ; 78 khúc gỗ tròn tự nhiên khối lượng 1,241m3 có giá trị 37.230,đ và tại kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 20/09/2021 của Hội đồng ĐGTSTTTHS huyện N kết luận: 1,717m3 gốc gỗ tròn tự nhiên có giá trị 17.170,đ và 0,926m3 gỗ Chẹo có giá trị 27.780,đ. Tổng giá trị lâm sản theo các kết luận định giá là: 402.370,đ.

Đối với 07 cây gỗ Giẻ bị phát hiện khai thác trái phép tại hiện tường có tổng khối lượng là: 3,146m^3. Quá trình điều tra xác định được Dương Tiến K một mình khai thác 02 cây gỗ Giẻ có khối lượng 1,417m^3, đã vận chuyển về nhà làm bếp 05 thanh có tổng khối lượng là 0,208m^3, số còn lại vẫn để tại hiện trường. Còn 05 cây gỗ Giẻ còn lại Dương Tiến K không biết ai khai thác. Các bị cáo Triệu Sinh M, Hoàng Văn V, Triệu Kim H, Triệu Kim T và Dương Tiến L đều khai nhận là không được khai thác, không biết ai khai thác các cây gỗ Giẻ nói trên. Tại hiện trường Cơ quan kiểm lâm tạm giữ được 32 thanh gỗ Giẻ xẻ có khối lượng là: 1,421m^3. Tuy nhiên không thể hiện là được tạm giữ tại những gốc cây Giẻ nào. Sau đó đã bàn giao cho Cơ quan điều tra nay không chứng minh được số gỗ trên thuộc những cây nào trong số 07 cây Giẻ nêu trên. Hành vi Dương Tiến Kiết khai thác 02 cây gỗ Giẻ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không liên quan đến hành vi khai thác gỗ rừng tự nhiên của các bị cáo trong vụ án này. Do đó, cơ quan điều tra đã tách, chuyển cho cơ quan Kiểm lâm xem xét xử phạt hành chính và xử lý tang vật là số gỗ Giẻ theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tiến hành làm việc với Ủy ban nhân dân xã Đ và Trạm kiểm lâm Q khẳng định thửa đất số 298, lô 15, khoảnh 10, tiểu khu 241 theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Đ năm 2018 (Nay được tách thành các thửa đất số 312, 313, 314, tờ bản đồ số 3) không nằm trong dự án cải tạo, trồng mới rừng.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) chiếc máy cưa lốc màu cam, không có nhãn mác, phần đáy máy cưa lốc có ký hiệu: 30.1031036, máy cưa cũ, đã qua sử dụng;

01 (một) chiếc Lam có kích thước chỗ rộng nhất là 08cm, chiều dài là 58cm; 01 (một) chiếc xích khi kéo căng chập đôi có chiều dài là 68cm, được ghép bằng các mắc xích kim loại, xích cũ, đã qua sử dụng; 401 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 10,673$m^{3.}$; 78 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 1,241m^3, (số gỗ này sau khi khám nghiệm chưa kịp vận chuyển về để bảo quản thì đã bị mất 24 khúc, còn lại 54 đã thu giữ, ban quản theo quy định); 0,926m3 gỗ Chẹo; 1,717 m3 gốc gỗ tròn còn tại hiện trường.

Số vật chứng trong vụ án được bảo quản, quản lý theo quy định của pháp luật.

+ 01 (một) chiếc thẻ nhớ vỏ nhựa màu đen, một mặt của thẻ nhớ có ký hiệu "Transcend 8GB 4 micro SDHC". Mặt sau thẻ nhớ có ký hiệu "micro SD HC I". Trong thẻ nhớ trên có lưu trữ 03 (ba) file ghi âm có ký hiệu lần lượt là "REC20210321110638.mp3","REC20210321112430.mp3",REC2021032213544 mp3". Thẻ nhớ do Hoàng Kim V cung cấp, được niêm phong trong phong bì, trên mép dán có ba chữ ký và ba dấu đỏ hình tròn của Cơ quan CSĐT Công an huyện N (Vật chứng này đang lưu trong hồ sơ vụ án). Chủ sở hữu là anh Hoàng Kim V có yêu cầu được lấy lại tài sản là chiếc thẻ nhớ này. Đã tiến hành lập biên bản mở niêm phong, thực hiện việc sao lưu giữ liệu 03 đoạn ghi âm trong thẻ nhớ do anh V giao nộp sang một thẻ nhớ khác, sau đó tiến hành niêm phong lại thẻ nhớ mới có chứa dữ liệu 03 cuộc ghi âm và lưu theo hồ sơ vụ án.

+ 01 điện thoại di động OPPO 33S đã cũ, đã qua sử dụng được niêm phong trong phòng bì ký hiệu M1. Điện thoại này thuộc quyền sở hữu của bị cáo Hoàng Kim H. Cơ quan điều tra đã sao lưu dữ liệu ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo H và bị cáo V lưu trong điện thoại của H sang 01 thẻ nhớ để gửi giám định. Sau khi giám định thẻ nhớ này được niêm phong trong 01 phong bì và lưu theo hồ sơ vụ án. Điện thoại OPPO 33S đã được trả lại cho bị cáo H.

+ 32 thanh gỗ Giẻ xẻ có khối lượng 1,421m^3 không chứng minh được ai là người xẻ, không phải là vật chứng của vụ án này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã tách, chuyển số gỗ này cho Hạt kiểm lâm huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị lâm sản theo kết luận định giá tài sản. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSNR ngày 06/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H, Hoàng Văn V về tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232/BLHS. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ……

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10m^3 đến dưới 20m^3 gỗ loài thực vật thông thường....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H, Hoàng Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H và Hoàng Văn V phạm tội*"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17, 58/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Hoàng Kim H mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo H được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 13/4/2021 là 48 ngày.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo K, M, H.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17, 58/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 18 thángcải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo L, T, V.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 232/BLHS đối với 06 bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữ đại diện nguyên đơn dân sự với các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H, Hoàng Văn V. Các bị cáo liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 435.564,đ.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS, cụ thể:

+ Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc máy cưa lốc màu cam, không có nhãn mác, phần đáy máy cưa lốc có ký hiệu: " 30.1031036"; 01 (một) chiếc Lam có kích thước chỗ rộng nhất là 08cm; chiều dài là 58cm; 01 (một) chiếc xích khi kéo căng chập đôi có chiều dài là 68cm; 401 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 10,673$m^{3.}$; 54 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 0,835m^3 và 0,926m3 gỗ Chẹo.

+ Tịch thu tiêu hủy: 1,717 m3 gốc gỗ tròn còn tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Bắc Kạn quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01(một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là file ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo H và bị cáo V. Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Viện khoa học hình sự, Bộ công an.

+ Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01(một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là 03 file ghi âm do anh Hoàng Kim V cung cấp (sao lưu dữ liệu từ thẻ nhớ do anh V cung cấp). Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Tòa án nhân dân huyện Na Rì.

+ Đối với 01 thẻ nhớ có ký hiệu "Transcend 8GB 4 micro SDHC", mặt sau thẻ nhớ có ký hiệu "micro SD HC I" thuộc quyền sở hữu của anh Hoàng Kim V, anh V có yêu cầu được lấy lại chiếc thẻ nhớ này. Đã tiến hành lập biên bản mở niêm phong, thực hiện việc sao lưu giữ liệu 03 đoạn ghi âm trong thẻ nhớ do anh V giao nộp sang một thẻ nhớ khác, sau đó tiến hành niêm phong lại thẻ nhớ mới có chứa dữ liệu 03 cuộc ghi âm, lưu theo hồ sơ vụ án và trả lại chiếc thẻ nhớ này cho anh V. Anh V đã nhận lại thẻ nhớ, không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại di động OPPO 33S đã cũ, đã qua sử dụng do bị cáo Hoàng Kim H giao nộp cho Tòa án. Sau đó, cơ quan điều tra đã tiến hành sao lưu dữ liệu điện tử là file ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo H và bị cáo V sang 01 thẻ nhớ để gửi giam định. Sau giám định thẻ nhớ đã được niêm phong lưu kèm hồ sơ vụ án. Đã trả lại cho bị cáo H chiếc điện thoại di động OPPO 33S, bị cáo Hòa đã nhận lại điện thoại, không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

+ Đối với 32 thanh gỗ Giẻ xẻ có khối lượng 1,421m^3 không chứng minh được ai là người xẻ, không phải là vật chứng của vụ án này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã tách, chuyển số gỗ này cho Hạt kiểm lâm huyện N để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với 24 khúc gỗ tròn (trong số 78 khúc) phát hiện, đo đếm khối lượng trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 03/11/2020 sau đó bị mất, quá trình điều tra không truy tìm được, không xác định đươc ai đã lấy số gỗ này, nên không xem xét xử lý.

+ Đối với số tiền là 435.564đ mà các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V đã liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo Biên lai thu tiền số 01083 ngày 25/6/2021, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm bồi thường cho các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V đều là dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) và đều sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo H, V, M thuộc diện hộ nghèo và đều có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là do nhận thức còn hạn chế nên đã thực hiện hành vi pham tội, sau khi phạm tội các bị cáo đã rất hối hận, ăn năn về việc làm của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng cải tạo tại địa phương với mức án thấp nhất. Xin HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Kim H có khiếu nại, ý kiến với nội dung Hoàng

Văn V không tham gia khai thác trái phép gỗ mà người tham gia khai thác gỗ rừng trái phép cùng các bị cáo là Dương Tiến Q. Lời khai ban đầu của H và các lời khai của các bị cáo còn lại trong vụ án khẳng định V tham gia khai thác rừng là do bị cáo Dương Tiến K bảo khai như vậy. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không có căn cứ để kết luận Dương Tiến Q tham gia khai thác gỗ với các bị cáo. Còn nội dung bị cáo V không tham gia khai thác gỗ mà đang nhận tội thay Dương Tiến Q, quá trình điều tra, bị cáo V vẫn giữ nguyên lời khai được tham gia khai thác gỗ trái phép cùng các bị cáo. V không nhận tội thay người khác. Lời khai của bị cáo V phù hợp với lời khai của các bị cáo K, L, T, M và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với nội dung H cho rằng các bị cáo T, L, V, M và H khai theo sự định hướng của K quá trình điều tra cũng không có căn cứ kết luận, vì các bị cáo khác (trừ bị cáo H) đều khai nhận họ không bị định hướng, mớn cung, dẫn cung, họ hoàn toàn tự nguyện khi khai báo. Như vậy, sau khi có ý kiến khiếu nại, phản ánh của bị cáo H cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện tất cả các biện pháp, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bị cáo H. Như vậy, có căn cứ để kết luận các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tiến L, bà Triệu Thị K và chị Đặng Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và trong đơn xin xét xử vắng mặt những người này không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Căn cứ Điều 292 và Điều 293/BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

- Tại phiên tòa các bị cáo Dương Tiến K, Dương Tiến L, Triệu Sinh M, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H, Hoàng Văn V đều khai nhận: Được sự đồng ý của bị cáo Dương Tiến K, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến ngày 18 tháng 9 năm 2020 các bị cáo M, L, H, T, V đã đến khu rừng S thuộc thửa đất số 298, lô 15, khoảnh 10, tiểu khu 241, bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã Đ năm 2018, nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Dương Quý L và bà Triệu Thị K (ông L bà K giao cho K quản lý) để khai thác gỗ trái phép. Tổng số gỗ các bị cáo khai thác được là 14,557m^3, thuộc nhóm gỗ loại thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII. Mục đích khai thác gỗ để bán lấy tiền chia nhau, cây nào không thành gỗ, không bán được thì chia nhau về làm củi. Các bị cáo cùng nhau khai thác gỗ, cắt thành từng khúc dài trung bình từ 0,9m đến 01m rồi tập kết ra gần con đường đất mới được mở qua khu rừng này. Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 402.370 đồng.

- Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Kim H tiếp tục khai nhận được tham gia khai thác gỗ tại khu rừng S của gia đình bị cáo K, nhưng những lần bị cáo H tham gia khai thác gỗ thì không có bị cáo Hoàng Văn V mà có anh Dương Tiến Q tham gia khai thác gỗ cùng H, M, T, L. Các bị cáo khác gồm K, M, L, T, V và anh Dương Tiến Q khai tại tòa rằng lời khai của bị cáo H về việc anh Q tham gia khai thác gỗ trái phép là không đúng. Bị cáo V vẫn tiếp tục khẳng định mình được tham gia khai thác gỗ trái phép tại khu rừng S của gia đình bị cáo K cùng với các bị cáo M,

H, T, L. Bị cáo V khẳng định anh Q không tham gia khai thác gỗ, việc bị cáo H khai bị cáo V nhận tội thay anh Q là không đúng sự thật. Các bị cáo khác gồm K, L, T, M đều có lời khai như lời khai của bị cáo V.

- Đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX thấy rằng, lời khai của các bị cáo K, M, T, L, H, V về việc tham gia khai thác gỗ trái phép tại khu rừng S là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sợ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Cụ thể, bị cáo K được bố mẹ là ông L, bà K giao cho trực tiếp quản lý thửa rừng số 298 (nay là thửa 312, 313, 314, tờ bản đồ số 3), bị cáo K biết đây là rừng tự nhiên, chưa có sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng K đã đồng ý cho các bị cáo khác khai thác gỗ trên thửa rừng này. Hành vi của K là đồng phạm với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo khác sau khi được sự đồng ý của bị cáo K đã cùng nhau thực hiện hành vi khai thác trái phép lâm sản trên rừng tự nhiên sản xuất, mặc dù các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, các bị cáo đồng phạm, cùng nhau cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hậu quả của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là 14,557m^3 gỗ loại thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, có giá trị là 402.370 đồng bị khai thác trái phép, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232/BLHS.

- Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến công tác quản lý, bản vệ rừng, xâm phạm đến lâm sản là gỗ rừng tự nhiên, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự và có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Đánh giá vụ án, xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này:

- Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án này bị cáo Dương Tiến K là người được bố mẹ giao trực tiếp giao quản lý thửa rừng 298, lô 15, khoảnh 10, tiểu khu 241 (nay là thửa 312, 313, 314), mặc dù biết đây là rừng tự nhiên sản xuất không được phép khai thác gỗ nhưng bị cáo đã đồng ý cho các bị cáo M, T, H, L, V thực hiện hành vi khai thác gỗ rừng tự nhiên trên thửa rừng này. Bị cáo K đồng phạm với vai trò là người khởi xướng, giúp sức các bị cáo khác trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, trước thời điểm bị cáo K đồng ý cho các bị cáo khác trong vụ án khai thác gỗ tại rừng tự nhiên do mình quản lý thì bị cáo K còn khai thác 02 cây gỗ Giẻ có khối lượng 1,417m^3 và đã vận chuyển về nhà 05 thanh có khối lượng 0,208m^3 để làm bếp, số còn lại để tại hiện trường đã bị thu

giữ, chuyển cho Hạt kiểm lâm xử lý. Hành vi khai thác 02 cây gỗ Giẻ của K không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và cũng không liên quan đến vụ án này nên cơ quan điều tra đã chuyển cho Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì xử phạt vi phạm hành chính đối với K. Do đó, bị cáo K phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Các bị cáo Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T và Hoàng Văn V là những người thực hành tích cực, có vai trò như nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. HĐXX sẽ đánh giá, cân nhắc mức hình phạt của từng bị cáo để đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo, đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- *Về nhân thân:* Tất cả các bị cáo gồm Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V chưa từng có tiền án, tiền sự, đều có nhân thân tốt. Dương Tiến L trước khi phạm tội là Đảng viên, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

- *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

+ Về tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52/BLHS.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo đã tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự với số tiền là 435.564,đ nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo Biên lai thu tiền số 01083 ngày 25/6/2021. Do đó, cả 06 bị cáo đều được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"*.

[5]. Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Cả 06 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tê - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, các bị cáo khai thác gỗ tự nhiên loại thông thường thường từ nhóm V đến nhóm VIII, giá trị lâm sản thấp, mục đích bán kiếm tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và dùng làm củi; Các bị cáo được hưởng nhiều (03) tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51/BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có đủ điều kiện áp dụng Điều 36/BLHS cho các bị cáo được hưởng Cải tạo không giam giữ để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6]. Về khấu trừ thu nhập, hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản có

giá trị, bị cáo H, V, M thuộc diện hộ nghèo. Tại phiên tòa, các bị cáo đều xin được miễn áp dụng hình phạt bổ sung; đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Do đó, HĐXX không khấu trừ thu nhập hàng tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với 06 bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu tất cả 06 bị cáo phải liên đới bồi thường với tổng số tiền theo kết luận định giá tài sản là 402.370đ. Các bị cáo đã tự nguyện liên đới nộp tổng số tiền 435.564,đ tại Chi cục Thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa các bị cáo đều có ý kiến không yêu cầu được trả lại số tiền đã nộp thừa. Đại diện nguyên đơn dân sự cũng đồng ý với ý kiến của các bị cáo. Xét thấy thỏa thuận giữa đại diện nguyên đơn dân sự và các bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật vào đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận thỏa thuận tự nguyện các bị cáo cáo liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 435.564,đ.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Đối với 01 (một) chiếc máy cưa lốc màu cam, không có nhãn mác, phần đáy máy cưa lốc có ký hiệu: " 30.1031036"; 01 (một) chiếc Lam có kích thước chỗ rộng nhất là 08cm; chiều dài là 58cm và 01 (một) chiếc xích khi kéo căng chập đôi có chiều dài là 68cm, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 401 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 10,673m^3; 54 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 0,835m^3; 07 khúc gỗ Chẹo, khối lượng 0,926m3 là vật chứng vụ án còn giá trị sử dụng cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/6/2021 và Biên bản ngày 09/8/2022 giữa Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Đối với 1,717 m3 gốc gỗ tròn vẫn để lại tại hiện trường, xét thấy giá trị lâm sản thấp, do đó cần tịch thu tiệu hủy. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là file ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo Hòa và bị cáo V. Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Viện khoa học hình sự, Bộ công an. Cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là 03 file ghi âm do anh Hoàng Kim V cung cấp. Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Tòa án nhân dân huyện Na Rì. Cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 thẻ nhớ có ký hiệu "Transcend 8GB 4 micro SDHC", mặt sau thẻ nhớ có ký hiệu "micro SD HC I" thuộc quyền sở hữu của anh Hoàng Kim V đã trả lại cho anh V. Anh V đã nhận lại tài sản nên không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO 33S thuộc quyền sở hữu của bị cáo Hoàng Kim H. Đã trả lại cho bị cáo H, bị cáo H đã nhận lại điện thoại, không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với 32 thanh gỗ Giẻ xẻ có khối lượng 1,421m^3 không chứng minh được ai là người xẻ, không phải là vật chứng của vụ án này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã tách chuyển số gỗ này cho Hạt kiểm lâm huyện Na Rì để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 24 khúc gỗ tròn (trong số 78 khúc) phát hiện, đo đếm khối lượng trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 03/11/2020 sau đó bị mất, quá trình điều tra không truy tìm được, không xác định đươc ai đã lấy số gỗ này, nên không xem xét xử lý.

- Đối với số tiền là 435.564đ mà 06 bị cáo đã liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo Biên lai thu tiền số 01083 ngày 25/6/2021, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm bồi thường cho các bị cáo.

[9]. Về các vấn đề khác:

- Đối với lời khai của bị cáo H về việc V không tham gia khai thác gỗ cùng với các bị cáo khác trong vụ án mà người tham gia khai thác gỗ trái phép là anh Dương Tiến Q. Quá trình điều tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa không đủ căn cứ để kết luận anh Dương Tiến Q tham gia khai thác gỗ trái phép tại khu rừng S cùng với các bị cáo V, L, T, M, H. Do đó, việc không xử lý hành sự đối với anh Q là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với lời khai của bị cáo H về việc bị cáo V nhận tội thay anh Q, vì những lần bị cáo H tham gia khai thác gỗ tại rừng S với M, T, L thì không có V tham gia. Còn V có tham gia khai thác gỗ cùng với các bị cáo khác vào những lần mà không có H tham gia hay không thì H không biết. Kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo M, T, L, V đều khẳng định trong tất cả các lần khai thác gỗ trái phép từ đầu năm 2020 cho đến ngày 18/9/2020 thì đều có mặt đầy đủ 05 bị cáo là M, T, H, V, L. Anh Dương Tiến Q không được tham gia khai thác trái phép gỗ. Kết quả điều tra bổ sung, cơ quan điều tra đã cho thực nghiệm điều tra, kết quả là bị cáo V đã thực hiện lại đầy đủ hành vi quá trình bị cáo V cùng các bị cáo khác tham gia khai thác trái phép gỗ tại khu rừng S. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo V tiếp tục khẳng định mình được tham gia khai thác gỗ cùng với M, T, L, H tại rừng S sau khi được sự đồng ý của bị cáo K. Lời khai, kết quả thực nghiệm điều tra của V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của K, M, L, T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Như vậy, không có căn cứ để kết luận có việc nhận thay tội của bị cáo V cho người khác. Không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bị cáo H. Có căn cứ để kết luận việc truy tố, xét xử bị cáo V là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 07 cây gỗ Giẻ, trong đó 02 cây có khối lượng 1,417m^3 K khai thác, Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì thấy không đủ căn cứ để khởi tố Dương Tiến K về hành vi khai thác 02 cây gỗ Giẻ và không làm rõ được đối tượng đã khai thác 05 cây gỗ Dẻ còn lại nên chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc khai thác các cây gỗ Giẻ nói trên cho Hạt kiểm lâm huyện Na Rì để xử lý theo chức năng, thẩm quyền là đúng pháp luật.

- Ông Dương Quý L và bà Triệu Thị K không biết Dương Tiến K đồng ý cho các bị cáo trong vụ án khai thác gỗ rừng tự nhiên trên thửa rừng số 298 do ông L và bà K đứng tên và giao cho K quản lý. Do đó, không xem xét xử lý đối với ông L và bà K là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 tuyến đường đất lâm nghiệp mới mở (dài 1.275m; rộng 3,2m và tổng diện tích là 4.080m^2) đi qua diện tích đất rừng tự nhiên sản xuất thuộc thửa 298 (nay là thửa 312, 313, 314, tờ bản đồ số 3) đang do Dương Tiến K quản lý và thửa số 100, tờ bản đồ số 3 do anh Dương Tiến H, chị Đặng Thị T quản lý. Quá trình điều tra không xác định được ai đã mở con đường này. Do số lượng lâm sản trên tuyến đường bị xâm hại ít, diện tích không đủ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì không có đủ căn cứ để khởi tố vụ án về tội: Hủy hoại rừng theo Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ các tài liệu đã thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc mở tuyến đường lâm nghiệp nói trên cho Hạt kiểm lâm huyện Na Rì để xem xét, xử lý theo chức năng, thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí: Cả 06 bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo H, V, M thuộc diện hộ nghèo và đều có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 36/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Dương Tiến K 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Dương Tiến L 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Kim H 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 13/4/2021 là 48 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo còn phải chấp hành là: 20 (Hai mươi) tháng (600 ngày) - 144 ngày (48 x 3 = 144 ngày) = 456 (Bốn trăm năm mươi sáu) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo K, L, T, H.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo K, L, T, H.

Giao các bị cáo Dương Tiến K, Dương Tiến L, Hoàng Kim T, Hoàng Kim H cho UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo K, L, T, H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Sinh M 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo M, V.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo M, V.

Giao các bị cáo Triệu Sinh M, Hoàng Văn V cho UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo M, V có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Y giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự. Các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T và Hoàng Văn V liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện N với tổng số tiền là 435.564,đ. Xác nhận các bị cáo đã liên đới nộp đủ số tiền 435.564,đ tại Chi cục thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc máy cưa lốc màu cam, không có nhãn mác, phần đáy máy cưa lốc có ký hiệu: "30.1031036" (Máy cưa cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc Lam có kích thước chỗ rộng nhất là 08cm; chiều dài là 58cm; 01 (một) chiếc xích khi kéo căng chập đôi có chiều dài là 68cm; 401 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 10,673m^3; 54 khúc gỗ tròn tự nhiên loại thông thường từ nhóm V-VIII, khối lượng 0,835m^3; 07 khúc gố Chẹo, khối lượng 0,926m3.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/6/2021 và Biên bản ngày 09/8/2022 giữa Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Tịch thu tiêu hủy: 1,717 m3 gốc gỗ tròn vẫn để lại tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là file ghi âm cuộc gọi giữa bị cáo H và bị cáo V. Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Viện khoa học hình sự, Bộ công an.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) chiếc thẻ nhớ có lưu giữ dữ liệu điện tử là 03 file ghi âm do anh Hoàng Kim V cung cấp. Thẻ nhớ được niêm phong trong một phong bì, có dấu của Tòa án nhân dân huyện Na Rì.

- Tạm giữ số tiền là 435.564đ (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng) các bị cáo Dương Tiến K, Triệu Sinh M, Dương Tiến L, Hoàng Kim H, Hoàng Kim T, Hoàng Văn V đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì theo Biên lai thu tiền số 01083 ngày 25/6/2021 để bảo đảm việc bồi thường cho các bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho tất cả 06 bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Kạn (1);*
- *VKSND tỉnh Bắc Kạn (1);*
- *VKSND huyện Na Rì (2);*
- *Bị cáo (6);*
- *Nguyên đơn dân sự (1);*
- *Người có QL,NVLQ (1);*
- *Chi cục THADS huyện Na Rì(1);*
- *Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì (1);*
- *Công an huyện Na Rì(2);*
- *Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn (1);*
- *THAHS (1);*
- *Lưu hồ sơ vụ án (1);*
- *Lưu Văn phòng (1).*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Bình